

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH CÀ MAU CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số:132/2022/DS-PT

Ngày 08 – 6 – 2022

V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản, thế
chấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đặng Minh Trung

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Thành Lập

Ông Huỳnh Văn Út

- Thư ký phiên tòa: Bà Hứa Như Nguyễn – Là Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa: Ông Hữu Duy Khánh – Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 6 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 65/2022/TLPT-DS ngày 12 tháng 4 năm 2022 về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 21/2022/DS-ST ngày 10 tháng 02 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện huyện Cái Nước bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 76/2022/QĐ-PT ngày 18 tháng 5 năm 2022 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Lê Thị Thanh H1, sinh năm 1961 (có mặt);

Địa chỉ cư trú: Khóm 1, thị t, huyện C, tỉnh C ..

- Bị đơn:

1. Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1961 (có mặt);

2. Anh Nguyễn Quốc K, sinh năm 1986 (vắng mặt);

3. Chị Hồ Hằng N, sinh năm 1986 (vắng mặt);

Cùng địa chỉ cư trú: Khóm 2, thị t, huyện C, tỉnh C ..

Đại diện hợp pháp của chị Hồ Hằng N: Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1961; Địa chỉ cư trú: Khóm 2, thị t, huyện C, tỉnh C . (Văn bản ủy quyền ngày 11 tháng 5 năm 2022) (có mặt).

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Nguyễn Ngọc H2, sinh năm 1963 (có mặt) ;

Địa chỉ cư trú: Khóm 1, thị t, huyện C, tỉnh C ..

- Người kháng cáo: Bà Nguyễn Thị T, chị Hồ Hằng N là bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn, bà Lê Thị Thanh H1 trình bày: Ngày 01 tháng 02 năm 2019 (AL) bà cho bà T và vợ chồng chị N, anh K vay số tiền là 160.000.000 đồng. Khi vay có làm biên nhận do bà Tươi và chị N viết và ký tên, có thỏa thuận lãi suất 2%/tháng. Bà T với chị N có thể chấp cho bà 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do bà Nguyễn Thị T đứng tên, số giấy chứng nhận CN 859000 do Sở Tài nguyên và môi trường cấp ngày 12/12/2018 (bản gốc). Từ khi vay đến nay bà T, chị N, anh K không đóng lãi lần nào. Nay bà yêu cầu bà T, chị N, anh K liên đới trả cho bà số tiền vay vốn 160.000.000 đồng và lãi với mức lãi suất 1,5%/ tháng từ khi vay đến khi xét xử sơ thẩm. Tại phiên tòa sơ thẩm, bà H1 thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện, chỉ yêu cầu bà T và chị N có trách nhiệm liên đới trả số tiền vốn và lãi cho bà, bà trả lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà T và chị N.

Bị đơn, bà Nguyễn Thị T trình bày: Bà và chị N có vay của bà H1 số tiền 160.000.000 đồng, khi vay có thể chấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do bà Nguyễn Thị T đứng tên, số giấy chứng nhận CN 859000 do Sở Tài nguyên và môi trường cấp ngày 12/12/2018 (bản gốc), bà và chị N có viết biên nhận ngày 01/02/2019 (AL). Sau khi vay, bà đã đóng lãi cho ông Nguyễn Ngọc H2 là chồng của bà H1 08 lần với số tiền 52.800.000 đồng. Bà đồng ý trả tiền theo yêu cầu của bà H1 nhưng phải trừ số tiền lãi bà đã đóng lãi 52.800.000 đồng. Bà tự chịu trách nhiệm trả tiền không liên quan đến chị N, đồng thời bà H1 phải trả lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, ông Nguyễn Ngọc H2 trình bày:

Ông xác định không có nhận số tiền lãi 52.800.000 đồng như bà T trình bày nên không đồng ý trừ theo yêu cầu của bà T.

Chị Hồ Hằng N và anh Nguyễn Quốc K không có ý kiến gì đối với yêu cầu của nguyên đơn.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số: 21/2022/DS-ST ngày 10 tháng 02 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Cái Nước quyết định:

Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị Thanh H1 đối với anh Nguyễn Quốc K về việc yêu cầu buộc anh Nguyễn Quốc K, bà Nguyễn Thị T, chị Hồ Hằng N có trách nhiệm liên đới trả tiền.

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị Thanh H1 đối với bà Nguyễn Thị T và chị Hồ Hằng N. Buộc bà Nguyễn Thị T và chị Hồ Hằng N trả cho bà Lê Thị Thanh H1 số tiền 239.920.000 đồng (Hai trăm ba mươi chín triệu chín trăm hai mươi nghìn đồng).

Buộc bà Lê Thị Thanh H1 phải trả lại bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do bà Nguyễn Thị T đứng tên, số giấy chứng nhận CN 859000 do Sở Tài nguyên và môi trường cấp ngày 12/12/2018 cho bà Nguyễn Thị T.

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên về lãi suất chậm trả, án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 24/02/2022, bà Nguyễn Thị T có nộp đơn kháng cáo yêu cầu cấp phúc thẩm sửa án sơ thẩm theo hướng chỉ buộc bà trả cho bà Lê Thị Thanh H1 số tiền

vay vốn 160.000.000 đồng nếu không đồng ý thì yêu cầu được đổi trừ tiền số tiền lãi bà đã đóng lãi 52.800.000 đồng và điều chỉnh lãi theo nhà nước quy định. Buộc bà Lê Thị Thanh H1 phải trả lại bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do bà Nguyễn Thị T đứng tên, số giấy chứng nhận CN 859000 do Sở Tài nguyên và môi trường cấp ngày 12/12/2018 cho bà.

Ngày 24 tháng 02 năm 2022, chị Hồ Hằng N có nộp đơn kháng cáo yêu cầu cấp phúc thẩm sửa án sơ thẩm theo hướng chị không có trách nhiệm liên đới với bà T trả tiền cho bà H1.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bà Nguyễn Thị T giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Phản tranh luận tại phiên tòa:

Bà T tranh luận: Tôi có đóng lãi 52.800.000đ nhưng ông H2 không làm biên nhận cho tôi. Vay không để lãi trong giấy mà thỏa thuận bên ngoài. Tiền tôi vay tôi trả cho bà H1 không buộc trách nhiệm chị N trả cùng tôi.

Bà H1 tranh luận: bà T nhận tiền tôi không có chị N ký vay là không đồng ý tôi chỉ quen chị N. Tôi cho hai mẹ con chị N vay. Tôi lấy lãi chị N không đóng than hứa bán đất lại.

Ông H1n tranh luận: mẹ con bà T có đến nhà tôi có ký tên biên nhận. Nhận số tiền 52.800.000đ không có cơ sở. Tôi không có nhận lãi. Nói đóng 8 tháng lãi 1 tháng 6.400.000đ tính ra chỉ 51.200.000đ không phù hợp.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa phát biểu: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán trong quá trình giải quyết vụ án; của Hội đồng xét xử và những người tiến hành tố tụng, người tham gia tố tụng tại phiên tòa đúng quy định pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự. Không chấp nhận kháng cáo của bà Nguyễn Thị T, chị Hồ Hằng N. Giữ nguyên bản án sơ thẩm số: 21/2022/DS-ST ngày 10 tháng 02 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Cái Nước.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Bà Lê Thanh H1 và bà Nguyễn Thị T thống nhất bà T vay của bà H1 số tiền 160.000.000 đồng từ ngày 01 tháng 02 năm 2019 (al). Bà T cho rằng án sơ thẩm buộc bà T trả lãi cho bà H1 1,5%/tháng là cao. Bà T và chị Hồ Hằng N cho rằng, chị N không có vay tiền nên không có trách nhiệm trả nợ cho bà H1. Xét kháng cáo của bà T, chị N Hội đồng xét xử nhận định:

[2] Bà T, bà H1 đều thừa nhận việc vay có thỏa thuận lãi suất vượt 20%/năm nên tại phiên tòa sơ thẩm bà H1 chỉ yêu cầu bà T, chị N trả lãi 18%/năm. Bà T thống nhất trả cho bà H1 lãi 18%/năm. Như vậy, việc thỏa thuận lãi suất của bà H1, bà T là thấp hơn mức lãi suất 20%/năm quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự. Sự thỏa thuận lãi suất của bà H1, bà T tại phiên tòa sơ thẩm là tự nguyện và phù hợp quy định của pháp luật. Hơn nữa, hợp đồng vay có thời hạn 01 năm nên đến ngày 01/02/2020 (AL) là hết hạn vay. Từ ngày 02/02/2020 (AL) là quá hạn trả nợ. Lẽ ra, bà T, chị N còn phải chịu thêm phải chịu thêm lãi suất quá hạn nhưng bà H1 không yêu cầu là có lợi cho bà T và chị N nên bà T yêu cầu xem xét lại mức lãi suất 18%/năm đã thỏa thuận là không có căn cứ.

[3] Chị N và bà T cho rằng, chị N không có vay số tiền 160.000.000 đồng của bà H1 nên yêu cầu xem xét không buộc trách nhiệm trả nợ của chị N. Tuy nhiên, tại Biên nhận nợ ngày 01/02/2019 (AL) có nội dung: Mẹ con tôi thống nhất vay của bà H1 số tiền 160.000.000 đồng. Kết thúc biên nhận, bà T và chị N cùng ký tên. Hơn nữa, tại các biên bản hòa giải ngày 15/6/2021 và ngày 05/7/2021, bà T trình bày, bà T và chị N có vay của bà H1 số tiền 160.000.000 đồng. Tại biên bản phiên tòa sơ thẩm (BL 163), bà T trình bày, tôi vay dùm cho con gái tôi, số tiền vay tôi và Ni sử dụng chung cho gia đình. Do đó, bà T, chị N kháng cáo cho rằng, chị N không có vay tiền và không có trách nhiệm liên đới cùng bà T trả nợ cho bà H1 là không có căn cứ chấp nhận.

[4] Việc bà T trình bày, bà T có trả lãi cho bà H1 được 52.800.000 đồng nhưng bà T không có chứng cứ chứng minh. Ông H2 không thừa nhận có nhận số tiền lãi như bà T trình bày. Tại phiên tòa, bà T cũng thừa nhận chỉ có bà T và con bà T biết bà T có trả lãi cho ông H2. Bà T cũng thừa nhận việc bà T trả nợ không có văn bản chứng minh. Do đó, bà T trình bày có trả cho bà H1 thông qua ông H2 số tiền 52.800.000 đồng là không có cơ sở chấp nhận. Án sơ thẩm buộc bà T, chị N trả cho bà H1 số tiền 239.920.000 đồng là có căn cứ.

[5] Từ phân tích trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của bà Nguyễn Thị T, chị Hồ Hằng N. Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số: 21/2022/DS-ST ngày 10 tháng 02 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Cái Nước. Tuy nhiên có điều chỉnh cách tuyên án để dễ thi hành án.

[6] Án phí dân sự phúc thẩm: Bà Nguyễn Thị T đã trên 60 tuổi và có yêu cầu xin miễn án nên chấp nhận miễn án phí phúc thẩm cho bà T. Kháng cáo của chị Hồ Hằng N không được chấp nhận, chị N phải chịu 300.000 đồng án phí; chị N có nộp tạm ứng án phí phúc thẩm 300.000 đồng, được chuyển thu đối trừ.

[7] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị nên không đặt ra xem xét.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Không chấp nhận kháng cáo của bà Nguyễn Thị T, chị Hồ Hằng N.

Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số: 21/2022/DS-ST ngày 10 tháng 02 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Cái Nước, tỉnh Cà Mau.

Tuyên xử:

Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị Thanh H1 đối với anh Nguyễn Quốc K về việc yêu cầu anh Nguyễn Quốc K có trách nhiệm liên đới cùng bà Nguyễn Thị T, chị Hồ Hằng N trả tiền cho bà Lê Thị Thanh H1.

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị Thanh H1 đối với bà Nguyễn Thị T và chị Hồ Hằng N.

Buộc bà Nguyễn Thị T và chị Hồ Hằng N trả cho bà Lê Thị Thanh H1 số tiền 239.920.000 đồng (Hai trăm ba mươi chín triệu chín trăm hai mươi nghìn đồng).

Buộc bà Lê Thị Thanh H1 phải trả lại bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do bà Nguyễn Thị T đứng tên, số giấy chứng nhận CN 859000 do Sở Tài nguyên và môi trường cấp ngày 12/12/2018 cho bà Nguyễn Thị T.

Đối với số tiền trên, kể từ ngày bà H1 có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bà T, chị N không thi hành xong, thì bà T và chị N phải trả lãi suất đối với số tiền chậm trả theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch: Bà Nguyễn Thị T được miễn nộp. Chị Hồ Hằng N phải chịu án phí số tiền 5.998.000 (Năm triệu chín trăm chín mươi tám nghìn đồng) (chưa nộp). Bà Lê Thị Thanh H1 không phải chịu án phí, bà H1 có nộp tạm ứng án phí số tiền 5.090.000 đồng (Năm triệu không trăm chín chục nghìn đồng) tại biên lai thu tiền số 0005743 ngày 05/10/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Cái Nước, được nhận lại.

Án phí dân sự phúc thẩm : Bà Nguyễn Thị T được miễn nộp án phí. Bà T có nộp tạm ứng án phí số tiền 300.000 đồng tại Biên lai thu số 0007849 ngày 24/02/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cái Nước, được nhận lại. Chị Hồ Hằng N phải chịu số tiền 300.000 đồng. Ngày 24/2/2022, chị N đã nộp tạm ứng án phí phúc thẩm số tiền 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0007850 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cái Nước, được chuyển thu, đối trừ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau;
- Tòa án nhân dân huyện Cái Nước;
- Chi cục THADS huyện Cái Nước;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án văn;
- Lưu VT(TM:TANDTCM).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đặng Minh Trung